| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 157/2023/DSST
Ngày 26 -05 -2023
V/v Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà: Từ Thanh Nhung

*Các hội thẩm Nhân Dân:* Ông: Hồ Quang Minh

Bà: Nguyễn Kim Lên

***Thư ký phiên Toà:*** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký toà án huyện Trần Văn Thời.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời:*** Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 670/2022 ngày 21/11/2022 về việc "Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa ra xét xử số 183/2023 ngày 26.4.2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng N AK).

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Châu Đông D – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch- Kinh doanh Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn*: Ông Phan Thế H – sinh năm 1990 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Phan Thanh V – sinh năm 1960 (có yêu cầu xin vắng mặt)

- Bà Võ Thị M – sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

- Phan Thanh T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diên theo ủy quyền của nguyên đơn tại biên bản hòa giải như sau*:

Vào ngày 14.8.2015 Ngân hàng A1k) có ký hợp đồng tín dụng với ông Phan Thế H, hợp đồng số LAV-201505024/HĐ-TD ngày 14.8.2015, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, để vay số tiền 80.000.000 đồng, trong đó lãi xuất của 50.000.000 đồng là 10%/năm và 30.000.000 đồng là 7% năm, quá trình vay đến nay ông H không trả vốn và cũng không đóng lãi. Nay yêu cầu ông H trả vốn gốc là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến ngày 26.5.2023 là 77.471.389 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trã dứt nợ. Trường hợp không có trả thì phát mãi tài sản hợp pháp của ông Phan Thanh Đ để thu hồi nợ.

Khi vay là vay tín chấp nhưng ông H có giao cho Ngân hàng A1k) 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp, nhưng không ký thế chấp mà để làm tin và chứng minh việc ông H có tài sản. Vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09.6.2015 của Chính phủ và nay là Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55.

*Bị đơn Phan Thế H trình bày*:

Theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng hiện nay tôi còn nợ Ngân A1ibank) là 80.000.000 đồng, lãi xuất từ khi vay đến nay không đóng. Nay tôi đồng ý trả nhưng trả dần hàng tháng, còn lãi xin giảm toàn bộ.

Phần đất gia đình tôi thế chấp cho Ngân hàng A1k), hiện gia đình đang cố cho ông Phan Thanh V, cố năm 2020 đến nay chưa chuộc lại, giá cố là 40.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Võ Thị M trình bày*: Chồng của bà là ông Phan Thanh Đ trước đây có vay vốn của ngân hàng và thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng. Sau khi ông Đ chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm bà M, anh H, anh T thống nhất cho anh Phan Thế H đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nay bà đồng ý trả nợ cho ngân hàng, xin trả tiền gốc là 2 đợt, 1 đợt tháng 4 và 1 đợt tháng 6 năm 2023 sẽ trã dứt tiền gốc, còn phần lãi yêu cầu giãm, vì hiện nay gia đình rất khó khăn về kinh tế.

*Đối với Phan Thanh T* Tòa án đã triệu tập anh T 2 lần để xét xử nhưng anh

T vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của anh T.

*Đối với Phan Thanh V trình bày*: Văn bản có ý kiến ngày 12.4.2023: Vào năm 2019, tôi có nhận cố 03 công đất của ông Phan Thế H và bà Võ Thị M, giá cố là 40.000.000 đồng, hiện nay tôi đang quản lý sử dụng phần đất cố. Tôi không yêu cầu gì trong vụ kiện này, nếu sau này có tranh chấp tôi yêu cầu vụ kiện khác. Trường hợp Tòa án xét xử, xử lý tài sản thế chấp thì tôi chấp hành theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn T1 phát biểu, Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của của BLTTDS năm 2015. Riêng anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 157.471.389 đồng (tính đến ngày 26.5.2023) và lãi phát sinh đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Về chí phí tố tụng và án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng , Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Toà án*: Bị đơn có cư trú tại huyện T, nguyên đơn làm đơn khởi kiện bị đơn về việc hợp đồng vay tài sản, nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Về quyền khởi kiện*: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*: Đối với nguyên đơn và bị đơn, ông V, bà M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[4] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngân hàng A khởi kiện ông Phan Thế H thiếu số tiền cho vay chưa trả, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng tín dụng (vay tài sản), theo Điều 463 Bộ luật dân sự.

[5] *Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 14.8.2015 Ngân hàng A1k) có ký hợp đồng tín dụng với ông Phan Thế H, hợp đồng số LAV-201505024/HĐ-TD ngày 14.8.2015, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, để vay số tiền 80.000.000 đồng, trong đó lãi xuất của 50.000.000 đồng là 10%/năm và 30.000.000 đồng là 7% năm, quá trình vay đến nay ông H không trả vốn và cũng không đóng lãi. Nay Ngân hàng A1k) yêu cầu ông H trả vốn gốc là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến ngày 26.5.2023 là 77.471.389 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 157.471.389 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trã dứt nợ. Trường hợp không có trả thì phát mãi tài sản hợp pháp của ông Phan Thanh Đ để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn cũng thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng N1 và P – Chi nhánh huyện T số tiền gốc và lãi là 157.471.389 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26.05.2023). Nay bị đơn đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên. Nhưng trã dần tiền gốc còn lãi xin Ngân hàng miễn toàn bộ.

Xét thấy bị đơn thừa nhận có vay của Ngân hàng A số tiền gốc là 80.000.000 đồng, đến nay chưa trả và nợ lãi tính đến ngày 26.5.2023 là 77.471.389 đồng là đúng nhưng bị đơn đồng ý trả tiền gốc còn lãi xin Ngân hàng miễn Toàn bộ. Đối với Ngân hàng không đồng ý miễn phần lãi. Xét thấy việc bị đơn đặc ra xin miễn toàn bộ lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý, hơn nữa từ khi vay đến nay thời gian khá dài bị đơn không đóng lãi cho nguyên đơn là vi phạm hợp đồng và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn do đó cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 80.000.000 đồng và lãi là 77.471.389 đồng (lãi tạm tính đến ngày 26.05.2023) là phù hợp và còn phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Khi vay bị đơn có giao 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thanh Đ để làm tin và xác định bị đơn có tài sản (theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09.6.2015 của Chính phủ và nay là Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55), tại biên bản họp gia đình ngày 04/3/2013 thể hiện hàng thừa kế của ông Đ thống nhất giao cho anh H được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng dụng đất và đứng ra thực hiện mọi giao dịch với ngân hàng. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432403 cấp ngày 11.10.2010 và A0 989171 cấp ngày 04.11.2009 do ông Phan Thanh Đ đứng tên đã được các đồng thừa kế của ông Đ giao cho Ngân hàng để đảm bảo khoản tiền thế chấp. Do đó, trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì

ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý phần đất thuộc hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thi hành án cho Ngân hàng.

Đối với việc ông H và bà M cố cho ông Phan Thanh V phần đất diện tích 4.109m$^2$ tại thửa số 195 tờ bản đồ số 8 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432403 cấp ngày 11.10.2010 do ông Phan Thanh Đ đứng tên. Qua làm việc, ông V không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án, khi nào phát sinh tranh chấp ông V có quyền khởi kiện đòi lại số vàng cố đất bằng vụ kiện khác. Trường hợp, cưỡng chế phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432403 cấp ngày 11.10.2010 do ông Phan Thanh Đ đứng tên để thi hành án cho Ngân hàng thì buộc ông V có trách nhiệm giao phần đất để thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn có nộp 400.000 đồng, để chi phí tố tụng và đã thực hiện xong, việc khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu phi phí tố tụng mà cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với các Điều 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét về án phí: Án phí sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trên tổng giá trị phải trả cho Ngân hàng A, là phù hợp theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đối với Ngân hàng yêu cầu được chấp nhận nên không phải nộp án phí, Ngân hàng đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: Điều 26 và 35,39, 186, 227, 228, Điều 155, 156, 157, 158 BLTTDS, áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N Ak ).

Buộc bị đơn ông Phan Thế H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N Ak) số tiền 157.471.389 đồng (trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 77.471.389 đồng, lãi tính đến ngày 26.05.2023). Ông H còn phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng giao kết với Ngân hàng A từ ngày 27.5.2023 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, bị đơn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý phần đất thuộc hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432403 cấp ngày 11.10.2010 và AO 989171cấp ngày 4.11.2009 do ông Phan Thanh Đ đứng tên, để đảm bảo việc thi

hành án cho Ngân hàng A. Ông Phan Thanh V có trách nhiệm giao phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432403 cấp ngày 11.10.2010 do ông Phan Thanh Đ đứng tên cho cơ quan có thẩm quyền để cưỡng chế thi hành án cho Ngân hàng.

Buộc ông Phan Thế H phải trả lại tiền chi phí tố tụng cho nguyên đơn Ngân hàng Ak) là 400.000 đồng.

Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch bị đơn phải nộp là 7.854.000 đồng. Ngân hàng đã dự nộp trước là 3.763.000 đồng theo biên lai số 0005741 ngày 21.11.2022 được hoàn lại toàn bộ.

Nguyên đơn và bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Từ Thanh Nhung**